

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KS  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 4 năm 2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS - TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Lộc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Ông Thái Đình Thanh

2, Bà Thái Thị Ly

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Già Bá Lâu; Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Và Y N, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: bản C, xã Ng, huyện KS, Nghệ An;

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:*** Anh Xồng Bá R, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: bản C, xã Ng, huyện KS, Nghệ An.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình quyết vụ án chị Và Y N, trình bày: Chị Và Y N và anh Xồng Bá R sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2014, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay, thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên chị Và Y N đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Xồng Bá R.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Xồng Anh V1, sinh ngày 16/8/2015 và cháu Xồng Yên V2, sinh ngày 14/3/2018. Nếu ly hôn chị Và Y N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xồng Yên V2, anh Xồng Bá R sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xồng Anh V1. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho hai bên.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2023, chị Và Y N yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên, đến ngày 10/4/2024 chị Và Y N đã rút yêu cầu về chia tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2024, bị đơn anh Xồng Bá R trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất về thời gian sống chung như chị Và Y N đã trình bày, thời gian này sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống, hiện nay anh Xồng Bá R và chị Và Y N không còn tình cảm, đã hết yêu thương nhau, hai người không còn sống chung với nhau nữa, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay chị Và Y N yêu cầu ly hôn thì anh Xồng Bá R cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Xồng Bá R và chị Và Y N được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Xồng Anh V1, sinh ngày 16/8/2015 và cháu Xồng Yên V2, sinh ngày 14/3/2018. Nếu ly hôn anh Xồng Bá R sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xồng Anh V1; chị Và Y N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xồng Yên V2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho hai bên.

Về tài sản: Anh Xồng Bá R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Xồng Anh V1, có đơn nguyện vọng được ở với bố là anh Xồng Bá R nếu bố ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 10/4/2024, Ủy ban nhân dân xã Ng cho biết: Chị Và Y N và anh Xồng Bá R có tổ chức đám cưới, về chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng; trong quá trình chung sống với nhau, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên, về sau phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, hiện tại chị Và Y N đã chuyển sang ở bên nhà ngoại tại bản Nậm Càn, xã Nậm Càn, huyện KS, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện KS phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình

trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Và Y N và anh Xồng Bá R.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Xồng Anh V1, sinh ngày 16/8/2015 cho anh Xồng Bá R trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Xồng Yên V2, sinh ngày 14/3/2018 cho chị Và Y N trực tiếp nuôi dưỡng. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Xồng Bá R và chị Xồng Y Nương.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Và Y N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Xồng Bá R cư trú tại bản C, xã Ng, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có mặt; tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Và Y N và anh Xồng Bá R tự nguyện chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa chị Và Y N và anh Xồng Bá R không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ và

chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên do hai bên tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, cãi vã, xúc phạm nhau trong cuộc sống, hiện hai người đã sống ly thân nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị Và Y N và anh Xông Bá R là đúng thực tế, nay một bên yêu cầu không công nhận là vợ chồng nên căn cứ vào Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Và Y N và anh Xông Bá R không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Và Y N và anh Xông Bá R có 02 con chung: gồm: cháu Xông Anh V1, sinh ngày 16/8/2015 và cháu Xông Yến V2, sinh ngày 14/3/2018. Quá trình giải quyết đương sự thống nhất để cháu Xông Anh V1 cho anh Xông Bá R trực tiếp nuôi dưỡng, để cháu Xông Yến V2 cho chị Và Y N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Xông Anh V1 cũng có đơn nguyện vọng được ở với anh Xông Bá R. Việc thỏa thuận của các đương sự như trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Và Y N và anh Xông Bá R.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Và Y N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH.**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Và Y N và anh Xông Bá R là vợ chồng. Buộc chị Và Y N và anh Xông Bá R chấm dứt việc chung sống với nhau như vợ chồng kể từ ngày tuyên án.

2. Về con chung: Giao con chung Xông Anh V1, sinh ngày 16/8/2015 cho anh Xông Bá R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con trưởng

thành; giao con chung Xông Yên V2, sinh ngày 14/3/2018 cho chị Và Y N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con trưởng thành. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Xông Bá R và chị Và Y N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Và Y N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã án phí đã nộp theo biên lai số 0004372 ngày 19/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Nghệ An.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện KS;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Hữu Lộc**